

Bản án số: 247/2019/HC-PT
Ngày: 25/9/2019
Về việc khiếu kiện QĐHC trong
lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Tất Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 78/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8775/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 48, đường Nguyễn Chí T, khối 12, phường Quán B, thành phố V, tỉnh A. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 18/9/2017):

- Ông Đặng Minh C, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 2 thôn La Tinh, xã L, huyện Đ, thành phố N. Vắng mặt;

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 48 Cầu Diễn, phường D, quận L, thành phố N. Vắng mặt;

- Ông Phạm Việt A, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 60 Thái Hà, phường L, quận Đ, thành phố N. Có mặt.

* **Người bị kiện:**

- Chủ tịch UBND tỉnh A;

Địa chỉ: Số 3 đường Trường Thi, thành phố V, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Viết H – Phó Chủ tịch UBND tỉnh A (theo Quyết định ủy quyền số 2977/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh A). Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh A; địa chỉ: Số 27 đường Lê Mao, thành phố V, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh T – Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh A (theo Quyết định ủy quyền số 4374/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V). Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- UBND tỉnh A; địa chỉ: Số 3 đường Trường Thi, thành phố V, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ – Chủ tịch UBND tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Viết H – Phó Chủ tịch UBND tỉnh A (theo Quyết định ủy quyền số 2977/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh A). Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- UBND thành phố V, tỉnh A; địa chỉ: Số 27 đường Lê Mao, thành phố V, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoài A – Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh T – Phó Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh A (theo Quyết định ủy quyền số 4374/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V). Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trung L và bà Hồ Thị H; địa chỉ: Xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh A. Vắng mặt;

- Ông Đặng Thế Đ và bà Phan Thị T; địa chỉ: Xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh A. Vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Xóm 1 xã P, thành phố V, tỉnh A. Vắng mặt;

- Ông Lê Xuân L, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà 48, đường Nguyễn Chí T, khối 12, phường Quán B, thành phố V, tỉnh A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện, bản tự khai, trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Năm 1987, UBND xã P giao cho Hợp tác xã (HTX) mua bán Nghi Phú một diện tích đất khoảng 786m² để mở rộng kinh doanh của Hợp tác xã. Năm 1989, HTX Mua bán Nghi Phú huy động vốn của 08 hộ gia đình nguyên là xã viên của HTX (gồm các hộ:

ông Hồ Ngọc Thu, ông Phạm Đình Thìn, bà Nguyễn Thị Hồng, bà Lê Thị Lý, bà Nguyễn Thị Sinh, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Hoàng Thị H và bà Phạm Thị Hương), mỗi hộ đã đóng góp 5.000.000 đồng cho HTX và được sử dụng đất để xây dựng ki ốt, kho hàng, tự kinh doanh riêng lẻ.

Năm 1992, HTX Mua bán Nghi Phú giải thể theo chủ trương của Nhà nước. UBND xã P đã thu hồi con dấu và các chứng từ của HTX mua bán Nghi Phú nhưng không giải quyết về số tiền 40.000.000 đồng mà 08 hộ gia đình đã góp vốn, 08 hộ gia đình tiếp tục sử dụng 786m² đất để kinh doanh.

Năm 2005, 08 hộ gia đình mới biết UBND xã P đã bán đất mà 08 hộ gia đình đang sử dụng cho 03 hộ gia đình gồm ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Trung L vào năm 1993.

Ngày 31/12/2008, UBND tỉnh đã có Quyết định số 470/QĐ-UBND.ĐC về việc thu hồi 227,2m² đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã P do Hợp tác xã Mua bán xã P bị giải thể không sử dụng để giao cho UBND thành phố V quản lý.

Tháng 3/2009, 08 hộ gia đình nhận được Quyết định số 527/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho 08 hộ gia đình. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 115.831.600 đồng (trong đó: hỗ trợ về tài sản là 75.031.600 đồng; hỗ trợ di chuyển tài sản và hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh là 40.800.000 đồng; về đất đai không được bồi thường hỗ trợ). Trong 8 hộ sử dụng đất kinh doanh có 01 hộ đồng ý, 07 hộ còn lại không đồng ý nên đã không lên nhận tiền.

Ngày 19/5/2009, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành 07 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 07 hộ dân trong đó có gia đình bà Hoàng Thị H.

Ngày 30/9/2009, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành 07 quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 07 hộ dân vi phạm, trong đó có gia đình bà Hoàng Thị H.

Ngày 19/10/2009, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 261/QĐ.UBND về việc thành lập tổ cưỡng chế thi hành quyết định vi phạm hành chính đối với các hộ sử dụng ki ốt và đã tiến hành cưỡng chế vào ngày 28/10/2009.

Sau khi bị cưỡng chế, bà Hoàng Thị H và 06 hộ gia đình khiếu nại quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố V.

Ngày 28/12/2009, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6526/QĐ-CT.UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị H.

Không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố V, bà Hoàng Thị H đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh A.

Ngày 21/10/2013, UBND tỉnh A có Công văn số 7455/UBND - KT trong đó thống nhất cho phép UBND thành phố V lập phương án hỗ trợ về đất với mức hỗ trợ bằng 100% giá đất phi nông nghiệp. Đồng thời giao cho UBND thành phố V yêu cầu các hộ đang sử dụng ki ốt phải giải phóng mặt bằng, hoàn thành các thủ tục để tổ chức thực hiện quy hoạch.

Ngày 15/8/2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất, tài sản cho các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán Nghi Phú (cũ) để thực hiện quy hoạch vùng Ô 3, Quán Bính, thành phố V. Tổng số tiền hỗ trợ là 2.166.215.864đ (trong đó: Hỗ trợ về đất: 1.931.200.000đ; hỗ trợ tài sản: 235.015.864đ). Cụ thể từng hộ được hỗ trợ số tiền 270.776.983đ (bao gồm hỗ trợ về đất: 241.400.000đ; hỗ trợ tài sản: 29.376.983đ); loại đất được hỗ trợ là đất phi nông nghiệp.

Không đồng ý với Quyết định 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND thành phố V, bà Hoàng Thị H tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố V. Ngày 15/10/2015, Chủ tịch UBND thành phố V đã có quyết định giải quyết khiếu nại số 11245/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị H với nội dung khiếu nại của công dân là sai, giữ nguyên quyết định 6207.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, bà Hoàng Thị H tiếp tục làm đơn khiếu nại lần 2 đến UBND tỉnh A.

Ngày 05/02/2016, Chủ tịch UBND tỉnh A ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) có nội dung: Công nhận và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) của Chủ tịch UBND thành phố V đối với bà Hoàng Thị H.

Ngày 14/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở vùng dân cư vùng Ô 3 Quán Bính. Ngày 17/10/2016, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất.

Bà Hoàng Thị H cùng các hộ dân khác cho rằng việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A và việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V không đúng thực tế, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các hộ dân sống, kinh doanh ổn định từ năm 1989 trên diện tích 786m² tại 03 Quán Bính, xã P, thành phố V, tỉnh A.

Ngày 19/01/2017, bà Hoàng Thị H làm đơn khởi kiện vụ án Hành chính với nội dung: Yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính sau:

- Hủy Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở dân cư vùng Ô 3 Quán Bính, xã P, thành phố V;

- Hủy Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến bà Hoàng Thị H tại xã P, thành phố V, Nghệ An;

- Hủy các quyết định Hành chính liên quan gồm:

+ Quyết định số 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc thu hồi 227,2m² đất phi nông nghiệp thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, xã P;

+ Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản của các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P;

+ Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho các gia đình ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S vì cấp trái pháp luật;

- Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường cho bà Hoàng Thị H theo giá đất ở đối với phần diện tích đất của bà trong tổng số diện tích 786m² đất Ô3, Quán Bánh, xã P, thành phố V, Nghệ An;

Đề nghị Tòa án yêu cầu UBND thành phố V để bà Hoàng Thị H được ưu tiên mua lại đất theo đúng quy định pháp luật khi thực hiện việc thu hồi đất.

Người bị kiện - Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A trình bày: Việc 07 công dân, trong đó có bà Hoàng Thị H khiếu nại Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản cho các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P để thực hiện quy hoạch vùng Ô3 Quán Bánh với diện tích 227,2m², loại đất được hỗ trợ là đất phi nông nghiệp (không phải đất ở). Các hộ dân khiếu nại Ủy ban nhân dân thành phố V hỗ trợ không đúng diện tích và loại đất nên yêu cầu bồi thường diện tích 786m² mức giá đất ở. Việc khiếu nại này là sai. Ngày 05/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A đã ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Hoàng Thị H cùng các hộ gia đình khác tại xã P, thành phố V, Nghệ An với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (Quyết định số 11245/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị H) là có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H, vì các lý do sau:

Nguồn gốc diện tích đất 786m² (theo kết quả đo đạc năm 1993) là đất của Hợp tác xã Hùng Mạnh Tiến cho Hợp tác xã mua bán xã P mượn để xây dựng điểm kinh doanh mua bán. Hai Hợp tác xã trên không thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở cho các hộ. Các hộ gia đình, cá nhân là xã viên Hợp tác xã mua bán

Nghi Phú sử dụng ốt để kinh doanh, không phải để làm nhà ở. Diện tích xây dựng ốt kinh doanh theo đo đạc là 227,2m² đất;

07 hộ sử dụng đất không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các hộ dân không thuộc đối tượng bị thu hồi đất nên không đủ điều kiện để bồi thường đất. Vùng đất này quy hoạch phân lô từ năm 1993 và đã cấp cho 03 hộ gia đình (không quy hoạch đất sản xuất kinh doanh). Các hộ sử dụng kinh doanh không phù hợp với quy hoạch.

Vì vậy, các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND thành phố V đối với 07 hộ công dân, trong đó có bà Hoàng Thị H đảm bảo đúng quy định. Không có căn cứ pháp luật để bồi thường về đất đối với diện tích đất 786m² có nguồn gốc Hợp tác xã Mua bán xã P mượn của Hợp tác xã Hùng Mạnh Tiến cho 07 hộ gia đình cá nhân trong đó có bà Hoàng Thị H. Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 về việc giải quyết khiếu nại của 07 công dân trong đó có bà Hoàng Thị H là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh A xem xét, giải quyết theo hướng giữ nguyên Quyết định số 609 nói trên.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố V trình bày: Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản cho các hộ gia đình đối với diện tích đất đang sử dụng 227,2m² bằng 100% giá đất phi nông nghiệp là đúng quy định. Các hộ dân khiếu nại yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích 786m² đất với giá đất ở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 11245/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị H, không chấp nhận khiếu nại của bà Hoàng Thị H là có căn cứ.

Đối với việc cưỡng chế thu hồi đất: Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A, Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở vùng dân cư vùng Ô3 Quán Bánh. Ngày 17/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. Trước khi thực hiện việc cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã thông báo nhiều lần và họp làm việc vận động các hộ dân bàn giao mặt bằng nhưng các hộ dân không thực hiện. Việc ban hành Quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đảm bảo trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ gia đình ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S: 03 hộ gia đình đã được Ủy ban nhân dân xã P giao đất từ năm 1993 (Ủy ban nhân dân xã P giao đất

không đúng thẩm quyền, các hộ đã nộp tiền sử dụng đất). Năm 2000, Ủy ban nhân dân tỉnh A đồng ý chủ trương, Ủy ban nhân dân thành phố V lập bản vẽ quy hoạch phân lô đất ở tồn đọng được Ủy ban nhân dân tỉnh A phê duyệt ngày 03/01/2002 gồm 29 lô đất tồn đọng, trong đó có 03 hộ dân nêu trên. 03 hộ dân ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S được giao đất ở tồn đọng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/11/2009. Tuy nhiên, 08 hộ dân không chịu bàn giao mặt bằng. Năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố V tiến hành cưỡng chế thu hồi đất thì đến ngày 06/12/2016, 03 hộ dân ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S mới được giao đất trên thực địa. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh A và Ủy ban nhân dân thành phố V thống nhất với quan điểm trình bày của đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A và đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân L (chồng của bà Hạ) có ý kiến thống nhất như ý kiến của bà Hạ và những người đại diện theo ủy quyền của bà Hạ.

Tại Bản án sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh A quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 31, khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại; khoản 1 Điều 44; khoản 2 Điều 37; Điều 38; Điều 43; khoản 2 Điều 49; Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 71, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 65 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 2 Quyết định số 77/2013/QĐ ngày 30/12/2013; điểm a khoản 3 Điều 9 Quyết định số 100/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Căn cứ Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; Điều 31; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H về việc đề nghị hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 11245/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) đối với bà Hoàng Thị H.

- Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT ngày 05/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) liên quan đến bà Hoàng Thị H tại xã P, thành phố V, Nghệ An;

- Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở dân cư vùng ô 3 Quán Bính, xã P, thành phố V liên quan đến bà Hoàng Thị H;

- Các quyết định Hành chính liên quan gồm:

+ Quyết định số 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc thu hồi 227,2m² đất phi nông nghiệp thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, xã P liên quan đến bà Hoàng Thị H;

+ Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản của các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán (cũ), xã P liên quan đến bà Hoàng Thị H;

+ Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho các gia đình ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Trung L, cụ thể:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919489 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Đặng Thế Đ và bà Phan Thị T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919487 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thắm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919488 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Trung L và bà Hồ Thị Huệ;

- Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường theo giá đất ở đối với phần diện tích đất của bà trong tổng số diện tích 786m² đất Ô 3, Quán Bính, xã P, thành phố V, Nghệ An; Đề nghị Tòa án yêu cầu UBND thành phố V để bà Hạ được ưu tiên mua lại đất theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/11/2018, Bà Hoàng Thị H có kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện cho rằng, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A và việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V không đúng thực tế, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các hộ dân sống, kinh doanh ổn định từ năm 1989 trên diện tích 786m² tại 03 Quán Bính, xã P, thành phố V, tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý

vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Quá trình sử dụng đất cho đến khi bị thu hồi đất, diện tích ki-ốt bà Hoàng Thị H sử dụng khoảng 28,4m², không có thửa đất riêng biệt, sử dụng 01 trong 08 ki-ốt chung trên diện tích 227,2m², mục đích sử dụng để kinh doanh (không phải để ở). Bà Hoàng Thị H cùng 07 hộ gia đình khác sử dụng diện tích đất trước thời điểm năm 1993 (tại thời điểm HTX mua bán xã P giải thể năm 1991) nhưng bà Hoàng Thị H không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Do đó, bà Hạ không đủ điều kiện để bồi thường đất ở, UBND thành phố V đã căn cứ vào Công văn số 7455/UBND-KT ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh A về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến quy hoạch Ô 3 Quán Bánh, xã P, thành phố V ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường nêu trên đã hỗ trợ đất và tài sản cho các hộ dân tại khu đất HTX mua bán (cũ) xã P. Khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản và đất cho bà Hoàng Thị H, Ủy ban nhân dân thành phố V đã xem xét hiện trạng và thẩm định đo vẽ diện tích thực tế theo hiện trạng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích được xem xét hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi là diện tích đo đạc sử dụng trên thực tế, theo đó bà Hoàng Thị H được hỗ trợ với số tiền 270.776.983đ (trong đó, hỗ trợ về tài sản: 29.376.983đ; hỗ trợ về đất là 241.400.000đ). Về mức giá hỗ trợ: căn cứ vào giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được tính toán theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 77/2013/QĐ ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh A. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1]. Thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Các quyết định mà bà Hoàng Thị H khởi kiện là các quyết định do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước ban hành trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của bà Hoàng Thị H, nên đây là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

Ngày 14/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất; ngày 05/02/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND.KT về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị H cùng các công dân khác tại xã P, thành phố V, Nghệ An; theo quy định thời hiệu khởi kiện không quá 1 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Ngày 19/01/2017, bà Hoàng Thị H làm đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính.

[2]. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định:

Thực hiện Công văn số 7455/UBND-KT ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh A về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến quy hoạch vùng Ô 3 Quán Bính, xã P, thành phố V, trong đó: UBND tỉnh thống nhất cho phép UBND thành phố V lập phương án hỗ trợ về đất, với mức hỗ trợ bằng 100% giá đất phi nông nghiệp theo diện tích đất mà bà Hoàng Thị H và các hộ đang sử dụng để kinh doanh. Đồng thời giao UBND thành phố V yêu cầu các hộ đang sử dụng ki ốt phải giải tỏa mặt bằng, hoàn thành các thủ tục để tổ chức thực hiện quy hoạch.

Ngày 15/8/2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất, tài sản cho các hộ dân tại khu đất Hợp tác xã mua bán Nghi Phú (cũ) để thực hiện quy hoạch vùng Ô 3, Quán Bính, thành phố V, là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Với tổng số tiền hỗ trợ là 2.166.215.864đ (trong đó: Hỗ trợ về đất: 1.931.200.000đ; hỗ trợ tài sản: 235.015.864đ). Cụ thể từng hộ được hỗ trợ số tiền 270.776.983đ (bao gồm hỗ trợ về đất: 241.400.000đ; hỗ trợ tài sản: 29.376.983đ); loại đất được hỗ trợ là đất phi nông nghiệp.

[3]. Về nội dung, căn cứ lập phương án bồi thường:

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng: về nguồn gốc diện tích đất mà bà Hoàng Thị H đang khởi kiện là thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 diện tích 786m² tại ô 3, Quán Bính, xã P, thành phố V, Nghệ An; có nguồn gốc là đất nông nghiệp của Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Hùng Mạnh Tiến. Năm 1988, UBND xã P đã mượn khu đất trên để cho Hợp tác xã mua bán xã P (cũ) xây dựng cửa hàng mua bán. Năm 1989, khu đất nông nghiệp của Hợp tác xã Hùng Mạnh Tiến được quy hoạch thành đất ở dân cư (*tên gọi Ô 3 Quán Bính*).

Năm 1991, Hợp tác xã mua bán xã P giải thể và đã trả lại đất cho Hợp tác xã nông nghiệp Hùng Mạnh Tiến. Tại thời điểm trả đất, do HTX mua bán còn có một khoản nợ vay Ngân hàng nên 08 hộ gia đình nguyên là xã viên Hợp tác xã mua bán xã P trong đó có bà Hoàng Thị H đã tự nguyện đóng tiền để trả nợ vay cho ngân hàng. Sau đó 08 hộ xã viên đã tự xây dựng 08 ki ốt trên diện tích đất 227,2m² để kinh doanh.

Từ năm 1993 đến năm 2002, UBND xã P đã chia lô bán đấu giá quyền sử dụng đất cho 03 hộ gia đình, gồm các hộ: ông Trần Văn Nhật, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Trung L, hộ ông Trần Văn Nhật đã chuyển nhượng lại cho ông Đặng Thế Đ. Năm 2001, Ủy ban nhân dân thành phố V lập bản vẽ quy hoạch phân lô đất ở dạng tồn đọng và được Ủy ban nhân dân tỉnh A phê duyệt ngày 03/01/2002 tổng là 29 lô, trong đó (trong đó có 08 Kiốt nêu trên), Ủy ban nhân dân xã P bán đấu giá cho 3 gia đình ông Nguyễn Trung L, ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S vào năm 1993. Các hộ ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Trung L đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009.

Năm 2008, UBND tỉnh A đã thu hồi 227,2m² đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã P do HTX Mua bán xã P bị giải thể (trong đó có 08 Kiốt nêu trên) để giao cho UBND thành phố V quản lý.

Theo Hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ: Theo Bản đồ đo đạc tháng 6 năm 1993 phản ánh: Khu đất HTX mua bán thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 09, diện tích 786m² thể hiện là đất chuyên dùng, chủ sử dụng là Hợp tác xã mua bán xã P;

Theo bản đồ đo đạc kỹ thuật năm 2001: Khu đất HTX mua bán được thể hiện tại thửa số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 227,2m² là đất thổ cư (ký hiệu T) và có thể hiện loại tài sản là Kiốt; nhưng theo sổ mục kê thể hiện là đất chuyên dùng do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Ủy ban nhân dân xã P và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã điều chỉnh loại đất, trích lục bản đồ địa chính, ngày 26/11/2008 Ủy ban nhân dân thành phố V đã xác nhận khu đất là loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh (ký hiệu là CSK), không phải là đất ở.

Hiện trạng thửa đất: Tại thời điểm thu hồi đất (tháng 12/2008) gồm có 08 ki ốt diện tích 227,2m², có mái che, chái cột bê tông không có tường bao (6,6 x 13,3m = 87,78m²). Ngoài ra còn có 01 ngôi nhà cấp 4 (13,3mx 5,8m = 77,14m²) đã bán thanh lý cho ông Đặng Thế Đ sau khi Hợp tác xã mua bán xã P giải thể.

Xét thấy, quá trình sử dụng đất cho đến khi bị thu hồi đất, diện tích ki ốt bà Hoàng Thị H sử dụng khoảng 28,4m², không có thửa đất riêng biệt, sử dụng 01 trong 08 ki ốt chung trên diện tích 227,2m², mục đích sử dụng để kinh doanh (không phải để ở). Bà Hoàng Thị H cùng 07 hộ gia đình khác sử dụng diện tích đất trước thời điểm năm 1993 (tại thời điểm HTX mua bán xã P giải thể năm 1991) nhưng bà Hoàng Thị H không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Do đó, bà Hạ không đủ điều kiện để bồi thường đất ở, UBND thành phố V đã căn cứ vào Công văn số 7455/UBND-KT ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh A về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến quy hoạch Ô 3 Quán Bánh, xã P, thành phố V ban hành Quyết định số 6207/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường nêu trên đã hỗ trợ đất và tài sản cho các hộ dân tại khu đất HTX mua bán (cũ) xã P. Khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản và đất cho bà Hoàng Thị H, Ủy ban nhân dân thành phố V đã xem xét hiện trạng và thẩm định đo vẽ diện tích thực tế theo hiện trạng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích được xem xét hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi là diện tích đo đạc sử dụng trên thực tế, theo đó bà Hoàng Thị H được hỗ trợ với số tiền 270.776.983đ (trong đó, hỗ trợ về tài sản: 29.376.983đ; hỗ trợ về đất là 241.400.000đ). Về mức giá hỗ trợ: căn cứ vào giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được tính toán theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 77/2013/QĐ ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh A, UBND thành phố V xác định thửa số 30, tờ bản đồ 12 xã P có mức giá đất phi nông nghiệp (giá $17.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 50\% = 8.500.000\text{đ}/\text{m}^2$), mức hỗ trợ áp dụng là 100%.

Như vậy, Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường nêu trên đã hỗ trợ đất và tài sản cho các hộ dân tại khu đất HTX mua bán (cũ) xã P là đúng quy định pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho bà Hoàng Thị H. Việc bà Hạ yêu cầu hủy phần Quyết định số 6207 liên quan đến bà Hoàng Thị H là không có cơ sở. Do vậy, không có căn cứ hủy Quyết định số 11245/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị H

Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất liên quan đến bà Hoàng Thị H, thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A đối với khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, bà Hoàng Thị H và các hộ gia đình khác không thực hiện bàn giao mặt bằng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quy hoạch chia lô đất ở vùng dân cư vùng Ô 3 Quán Bánh. Trước khi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V mời bà Hoàng Thị H cùng các hộ dân đến làm việc để vận động, thuyết phục bàn giao mặt bằng nhưng bà Hạ và các hộ dân không chấp hành. Ngày 17/10/2016 thì tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. Xét thấy, Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Như vậy: Bà Hoàng Thị H đã chấm dứt việc sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất, bà Hạ không chịu bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 7166/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 65 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[4]. Đối với các Quyết định Hành chính liên quan mà người khởi kiện yêu cầu hủy, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1]. Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho các gia đình ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S:

Tại Quyết định số 5422/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919487 ngày 25/11/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thắm thửa số 56, tờ bản đồ số 12, diện tích 72,3m² tại xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh A (thay thế Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 24/10/2007); Quyết định số 5421/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919489 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Đặng Thế Đ và bà Phan Thị T thửa số 30, tờ bản đồ số 12, diện tích 68,9 m² tại xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh A (thay thế Quyết định số 255/QĐ-UB ngày 26/5/2004); Quyết định số 5420/QĐ-UBND ngày 25/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 919488 ngày 25/11/2009 cấp cho ông Nguyễn Trung L và bà Hồ Thị Huệ thửa số 55, tờ bản đồ số 12, diện tích 68,9 m² tại xóm 1, xã P, thành phố V, tỉnh A (thay thế Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 16/11/2007).

Xét thấy: 03 hộ gia đình nói trên đã được Ủy ban nhân dân xã P giao đất từ năm 1993, tuy nhiên việc giao đất này của Ủy ban nhân dân xã P là không đúng thẩm quyền. Sau khi được giao đất, các hộ dân đã nộp tiền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế chưa được bàn giao mặt bằng. Sau khi có quyết định thu hồi đất, ngày 25/11/2009 Ủy ban nhân dân thành phố V đã thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 3 hộ gia đình. Đến ngày 06/12/2016, hộ ông Đặng Thế Đ, ông Nguyễn Trung L và ông Nguyễn Văn S mới được giao đất trên thực địa (03 hộ dân đã liên tục kiến nghị yêu cầu được giao đất). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân nêu trên là đúng thẩm quyền và có căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 37; Khoản 2 Điều 49; Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 3 Điều 9 Quyết định số 100/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Trên thực tế, bà Hoàng Thị H đã có nhà ở nơi khác, bà Hạ chỉ sử dụng ki ốt để kinh doanh, không được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà Hạ là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc thu hồi 227,2m² đất phi nông nghiệp thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12, xã P liên quan đến bà Hoàng Thị H, thấy rằng: Khi thu hồi đất của Hợp tác xã mua bán (cũ) xã P có 08 hộ đang sử dụng 08 ki ốt để kinh doanh, phần đất này Ủy ban nhân dân thành phố V đã cấp cho 03 hộ gia đình khác nhưng thực tế chưa được bàn giao mặt bằng. Việc thu hồi đất là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục, nhưng xét thấy việc Ủy ban nhân dân tỉnh A thu hồi đất để thực hiện việc quản lý đất theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và việc thu hồi đất là có căn cứ theo điểm d khoản 2 Điều 6; Điều 38; khoản 1 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003. Từ năm 2008 đến nay, bà Hoàng Thị H cùng các hộ dân khác chỉ khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ và không có khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất và các quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ dân không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Hạ. Diện tích 227,2m² đất bị thu hồi nằm trong thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12 tại Ô 3, Quán Bính, xã P, thành phố V, Nghệ An đã đưa vào sử dụng theo quy hoạch, nay bà Hạ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 470/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/12/2008 về việc thu hồi đất liên quan đến bà Hạ là không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường cho bà Hoàng Thị H theo giá đất ở đối với phần diện tích đất của bà trong tổng số diện tích 786m² đất Ô 3, Quán Bính, xã P, thành phố V, Nghệ An; Đề nghị Tòa án yêu cầu UBND thành phố V để bà Hoàng Thị H được ưu tiên mua lại đất khi thực hiện việc thu hồi đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Như đã phân tích ở trên, bà Hoàng Thị H sử dụng ki ốt để kinh doanh, không phải để ở (gia đình bà Hạ ở và sinh sống tại một địa điểm khác), trong quá trình sử dụng đất bà Hạ không có các giấy tờ chứng minh việc bà được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng ki ốt để kinh doanh; không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, nên khi Nhà nước thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất nên không có cơ sở chấp nhận các yêu cầu nói trên của bà Hạ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà Hạ là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hạ.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo của bà Hoàng Thị H không được chấp nhận nên bà Hạ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Ngoài ra, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án số 22/2018/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000902 ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND tỉnh A;
- UBND TP Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường